

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Hardener 529 liquid

Sử dụng: Hóa chất

Sử dụng được đề xuất: Hóa chất
Không nên sử dụng: Thông tin hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp bởi BASF theo yêu cầu cơ quan chức năng.

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Độc cấp tính: Cat.5 (tiếp xúc miệng)
Ăn da/ kích ứng da: Cat.2
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Hình đồ cảnh báo:



Cảnh báo:

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H315	Gây kích ứng da.
H303	Có thể nguy hại khi nuốt phải.
H401	Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xà phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P301+P312	KHI NUỐT PHẢI: Liên hệ với Trung Tâm Chất Độc hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

các muối của axit vô cơ

dung dịch

Thành phần nguy hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Ethanol, 2-amino-, sulfite (2:1) (salt)

Hàm lượng (W/W): $\geq 43\%$ - \leq

43 %

Số CAS: 15535-29-2

Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)

Skin Corr./Irrit.: Cat. 2

Aquatic Acute: Cat. 2

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải hơi nước/sol khí, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: kích ứng da

Những mối nguy hiểm: Không có các mối nguy hiểm trong các ứng dụng sản phẩm hoặc khi sử dụng thích hợp.

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, bột, cacbon dioxide, bột khô

Những mối nguy hiểm cụ thể:

các oxit sulfur, các oxit cacbon

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:

Nén khí/ hơi/sương mù bằng vòi phun nước.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động.

Cảnh báo môi trường:

Không thải chất chưa được xử lý vào môi trường nước tự nhiên.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Bơm hút sản phẩm.

Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Phòng chống cháy nổ:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với các axit và các chất tạo axit.

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Thép không gỉ 1.4301 (V2), Thủy tinh được thêm chất dẻo (GRP), Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, Thép không gỉ 1.4401, được tráng men

Những vật liệu không thích hợp cho thùng chứa: nhôm, mạ kẽm, được phủ chì, giấy, thép cac-bon (sắt), thiếc (tấm thiếc)

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản nơi thoáng mát Đóng chặt thùng chứa

Sản phẩm được đóng gói không bị phá hủy ở nhiệt độ thấp hoặc do đông lạnh.

Sản phẩm đóng gói không bị hư hại ngay cả ở nhiệt độ cao.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp chưa được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Mang thiết bị bảo vệ hô hấp nếu hệ thống thông thoáng không đầy đủ.

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Quần áo và giày BHLĐ tiêu chuẩn.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng: chất lỏng
Màu sắc: hơi vàng
Mùi: Mùi nhẹ
Ngưỡng mùi: Không có sẵn các dữ liệu.

Giá trị pH: tương đương 6.5 (DIN ISO 976)
(20 °C)

Điểm đông: tương đương -19 °C
Điểm sôi: tương đương 114 °C
130 °C
(1.013 bar)

Điểm chớp cháy: > 114 °C (DIN 51758)
Tốc độ bay hơi: Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas): không dễ cháy cao
Giới hạn nổ dưới (LEL): (DIN 51649-1)
Nhiệt độ tự cháy: 445 °C (DIN 51794)

Phân hủy do nhiệt: tương đương 114 °C
Không phân hủy nếu được cất trữ và xử lý đúng đắn.

Tự bắt cháy: không tự cháy

Khả năng tự gia nhiệt: Chất không có khả năng tự gia nhiệt.

Nguy cơ nổ: không nổ
Những đặc tính làm tăng cháy: không cháy lan
Tính phóng xạ:

không gây nhiễm phóng xạ cho vận chuyển

Áp suất hơi: tương đương 6.7 mbar
(20 °C)
10 mbar
(20 °C)
47 mbar
(50 °C)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
 Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

	59 mbar (55 °C)	
Tỷ trọng:	tương đương 1.35 g/cm ³ (20 °C)	(ISO 2811-3)
Tỷ trọng tương đối:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:		(ISO 697)
Tính tan trong nước:	có thể pha trộn hoà tan (15 °C)	
Khả năng pha trộn với nước:	(15 °C) Hoàn thành (ví dụ >=90%)	
Phép nghiệm ẩm:	Không hút ẩm	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không được xác định	
Tính nhớt, động lực:	200 - 350 mPa.s (20 °C)	(DIN EN ISO 3219)
Tính nhớt, động học:	Không có sẵn các dữ liệu.	

Hàm lượng các chất rắn: 80 %

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:
 Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: tương đương 114 °C
 Không phân huỷ nếu được cất trữ và xử lý đúng đắn.

Những chất cần tránh:
 các axit mạnh

Sự ăn mòn kim loại: Ăn mòn trên các kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:
 Hình thành khí SO₂ dưới tác động của các axit.
 Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:
 Sulphur dioxide

Tính ổn định hóa học:
 Sản phẩm ổn định về mặt hoá học.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50chuột (miệng): 3,560 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

Độc cấp tính khi hít phải

chuột (bằng cách hít phải): 7 h (IRT)
Không có trường hợp tử vong nào trong vòng thời gian phơi nhiễm đã nêu cho thấy trong các cuộc nghiên cứu động vật.

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Việc hít vào một hỗn hợp hơi-khí có nồng độ cao/ bão hòa cho thấy không có khả năng nguy hại độc tính.

Triệu chứng

kích ứng da

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Gây kích ứng da Không gây kích ứng mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Ăn mòn/Kích ứng da thử: (Thí nghiệm Draize)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thử: không gây kích ứng

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thử: (Thí nghiệm Draize)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Cấu trúc hoá chất không ám chỉ tác dụng miễn cảm.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Cấu trúc hoá chất không gợi ra một cảnh báo cụ thể cho một tác động nào. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Cấu trúc hoá chất không gợi ra một cảnh báo cụ thể cho một tác động nào. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Cấu trúc hoá chất không gợi ra một cảnh báo cụ thể cho một tác động nào. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Việc thí nghiệm là không cần thiết do đã nghiên cứu các con đường tiếp xúc.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Tuy thuộc vào các điều kiện tại chỗ và nồng độ, sự rối loạn trong quy trình phân hủy sinh học của bùn hoạt tính có thể xảy ra.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 460 - < 680 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tĩnh điện)

Nồng độ danh nghĩa.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 100 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tĩnh điện)

Nồng độ danh nghĩa.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 tương đương 90 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải công nghiệp (DIN EN ISO 8192-OECD 209-88/302/EEC, P. C, hiếu khí)

Tuy thuộc vào các điều kiện tại chỗ và nồng độ, sự rối loạn trong quy trình phân hủy sinh học của bùn hoạt tính có thể xảy ra.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có sẵn các dữ liệu.

Do khả năng hoà tan cao trong nước, một phần sản phẩm sẽ tan ngay lập tức.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
 Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

96 % giảm DOC (10 d) (OECD 302B; ISO 9888; 88/320/EEC, phần C) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải công nghiệp)

90 - 100 % (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

93 % giảm DOC (21 d) (Hướng dẫn OECD 301 A (phiên bản mới)) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học:

Không có khả năng tích lũy trong sinh khối. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

13. Thông tin về thải bỏ

Đốt trong các nhà máy đốt chất thải đạt chuẩn, tuân thủ quy định của chính quyền địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng

Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
 Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng Ô nhiễm hàng hải: không	Environmental hazards:	Not applicable Marine pollutant: no
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user: None known

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có).
- Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Hardener 529 liquid**

Phiên bản: 5.1

(30034887/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.